

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN BDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+RC5+RC4	7:25	21+0+0	0+0+0		21+0+1	0+0+0	chuyen 1 TD2-RC5
2		VSP01+BK3+TGTH5	7:25	18+0+4	0+0+0		16+2+3	0+0+0	
3		P9+AMD+TGTH4	7:25	1+15+5	0+0+0		1+15+6	0+0+0	
4		BK5+P4+AMD	9:25	1+6+15	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
5		VSP01+TD2+RP3	9:25	16+0+3	0+0+0		9+9+3	0+0+0	
6		RP2+P1+VSP01	9:25	2+8+6	0+0+0		5+0+12	0+0+0	chuyen 3 rp2-p1
7		AMD+P6+P1	11:25	17+0+4	0+0+0		11+0+0	0+0+0	chuyen 7 p6-p1
8		T.UNG	12:00	19	0		19	0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2024	TO: TD2 - RC5 - RC4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: N.ANH - NAM - HUY	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VAN CHINH	TD2	72	1	3			85	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC DUNG	TD2	63	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
3	VUONG DINH LIEN	TD2	57	1	3			61	KHOAN	Vietnamese
4	DO VAN CUONG	TD2	60-61	2	8			76	KHOAN	Vietnamese
5	LE VIET CHIEN	TD2	59	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	64	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
7	VAN TUAN DUNG	TD2	70-71	2	11			64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN PHUONG	TD2	58	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
9	QUACH VAN TOI	TD2	54	1	8			83	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VAN HOANG	TD2	55	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
11	LE PHU	TD2	53	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM TIEN VINH	TD2	56	1	14			83	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN DUC THANG	TD2	51-52	2	23			60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	TD2	67	1	6			76	DVL	Vietnamese
15	DUONG MINH VIET	TD2	75	1	9	3	50	68	DVL	Vietnamese
16	DINH VIET DUNG	TD2	74	1	6	1	12	62	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN TAI	TD2	62	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN KIM VUONG	TD2	68-69	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG ANH TUAN	TD2	65-66	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
20	LE DINH THIN	TD2	81	1	4			65	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN CUNG	TD2	73	1	6			57	PSV	Vietnamese
22	HOANG GIANG LAM	TD2	76	1	3			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	22	1.505	27	182	4	62	21	1	CHUYEN 01 PAX TD2 - RC5
2	RC5	0	0	0	0	0	0	0		
3	RC4	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.505	27	182	4	62	22		
WEIGHT KG			1.505		182		62			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2024	TO: VSP01 - BK3 - TGTH5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HÙNG - SƠN - THÀNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHERNYSHEV	VSP01	08	1	10			117	KH-THAC	Russian
2	VÔ QUANG HUY	VSP01	18-19	2	20			80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THANH PHÚ	VSP01						68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	16	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	15	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	13	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG MINH	VSP01	01	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	20	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	02-04	3	18	4	70	57	YTE	Vietnamese
10	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	14	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HAI NAM	VSP01	09	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
12	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	17	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	07	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU ĐÌNH LỰC	VSP01	05	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	10-11	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP01	06	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
17	HUỲNH VĂN THÔN	VSP01						74	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	12	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH KIẾN	TGTH5	100	1	7			68	HLJOC	Vietnamese
20	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	31	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
21	HUỲNH PHÚC ẨM	TGTH5	96	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH5	97-98	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	18	1.381	20	137	4	70	16		
2	BK3	0	0	0	0	0	0	2		
3	TGTH5	4	273	5	33	0	0	3		
TOTAL		22	1.654	25	170	4	70	21		
WEIGHT KG			1.654		170		70			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2024	TO: P9 - AMD - TGTH4	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN XUÂN DUY	P9	61-62	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ BA LINH	AMD	10-11	2	15	2	20	75	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HIỆN	AMD	07	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	THAN CANH THINH	AMD	15-16	2	15			73	TLJOC	Vietnamese
5	DO TRONG NGHIA	AMD	17-18	2	8			64	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN AN	AMD	02	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	19	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	04	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	01	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	05	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÂN	AMD	09	1	2			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	14	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG XUÂN HAI	AMD	12-13	2	8			59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC LẠI	AMD	06	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	08	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO SY DUC	TGTH4	93-94	2	20			99	HLJOC	Vietnamese
17	VŨ XUÂN ĐỨC	TGTH4	300,62	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH DANH	TGTH4	99	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VINH QUANG	TGTH4	85-86	2	8			67	KH-THAC	Vietnamese
20	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	46,87	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	1	70	2	8	0	0	2		
2	AMD	14	999	18	90	2	20	14		
3	TGTH4	5	370	9	65	0	0	6		
TOTAL		20	1.439	29	163	2	20	22		
WEIGHT KG			1.439		163		20			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

Công bay tới thành công

DATE: 06/12/2024		TO: BK5 - P4 - AMD			AIRCRAFT: 426			ETD: 09:50		
FLIGHT: 4		FROM: VT			CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - TÚ			ETA: 11:40		
XANH-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI MẠNH HÀ	BK5	21	1	15	2	33	95	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM THE QUANG	P4	05	1	14	1	5	75	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VIỆT HUÂN	P4	02	1	14	2	34	72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN AN NINH	P4	04	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ MINH TUNG	P4	08	1	15			72	KH-THAC	Vietnamese
6	KRAVTSOV ALEXANDR	P4	01	1	17			73	DVL	Russian
7	NGUYỄN MINH THAO	P4	03	1	16			66	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	43	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG HỒ NGHĨA	AMD	42	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN QUYẾT	AMD	39	1	3	1	3	73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DỤC HAU	AMD	66	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN LỢI	AMD	44-46	3	19			63	THIEN PHU	Vietnamese
13	TRẦN VĂN NGŨ	AMD	51-53	3	19			85	THIEN PHU	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC THANH	AMD	47	1	8			58	THIEN PHU	Vietnamese
15	LÊ VĂN LỘC	AMD	48-50	3	18			59	THIEN PHU	Vietnamese
16	LUONG THANH TUNG	AMD	40-41	2	15			64	ABS	Vietnamese
17	HUYNH NGỌC TIỀN	AMD	54-55	2	13			71	SAIGONTR	Vietnamese
18	PHẠM HỮU DŨNG	AMD	56-57	2	15			60	SAIGONTR	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TOÀN	AMD	64-65	2	12			69	SAIGONTR	Vietnamese
20	THAI ĐĂNG THẠCH	AMD	60-61	2	9			57	SAIGONTR	Vietnamese
21	NGUYỄN KIM TRƯỜNG	AMD	62-63	2	19			67	SAIGONTR	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH THÔNG	AMD	58-59	2	13			63	SAIGONTR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK5	1	95	1	15	2	33	0		
2	P4	6	426	6	89	3	39	2		
3	AMD	15	1.000	28	181	1	3	20		
TOTAL		22	1.521	35	285	6	75	22		
WEIGHT KG			1.521		285		75			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2024	TO: VSP01 - TD2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - THANH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGOC BE	VSP01						65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN DUY BINH	VSP01	33	1	4			91	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN ANH TUAN	VSP01	43	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CONG QUAN	VSP01	31	1	3	2	40	64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUY THONG	VSP01	25	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN TRUONG	VSP01	34	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA NGOC	VSP01	26	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH THANG	VSP01	30	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN SY HIEU	VSP01	28	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN XUAN THUY	VSP01	27	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN KIM	VSP01	29	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HA	VSP01	38	1	10			87	CAD	Vietnamese
13	MAI NGOC QUYEN	VSP01	41-42	2	12			60	CAD	Vietnamese
14	NGUYEN MINH TRI	VSP01	36-37	2	12			64	CAD	Vietnamese
15	LAGURA VALIN VICTOR	VSP01	39-40	2	20			73	HARRIS PY	Filipino
16	LE THANH TUAN	VSP01	32	1	7			86	ANTOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN TUAN	VSP01	44	1	6			90	PSV	Vietnamese
18	VU VAN DIEP	VSP01	35	1	5			68	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN ANH	RP3	17	1	4			90	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC TUNG	RP3	20	1	5	4	48	74	CODIEN	Vietnamese
21	VU BAO THANH	RP3	18-19	2	15	4	80	81	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	18	1.287	20	128	2	40	9		
2	TD2	0	0	0	0	0	0	9		
3	RP3	3	245	4	24	8	128	3		
TOTAL		21	1.532	24	152	10	168	21		
WEIGHT KG			1.532		152		168			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2024	TO: RP2 - P1 - VSP01	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:58
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:50
Vang -2			

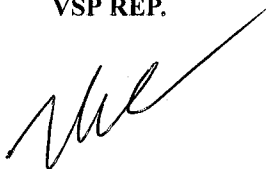
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN TÙNG	RP2	26	1	10	1	18	71	SINH HUNG	Vietnamese
2	TRƯƠNG VĂN THUẬN	RP2	28	1	9	9	164	67	SINH HUNG	Vietnamese
3	DƯƠNG ĐIỆP PHI	P1						79	KHOAN	Vietnamese
4	VU VĂN DOANH	P1						73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HẬU	P1	07-08	2	6			73	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN LÊ KIẾN	P1	10	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG NHẬT QUANG	P1	09	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TUYẾN	P1						63	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGỌC TÚ	P1	11	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN HOA	P1	06	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HUU	P1	04	1	6			61	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HIỆP	P1	05	1	5			52	PSV	Vietnamese
13	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	26	1	3			68	PSV	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	24	1	4			62	PSV	Vietnamese
15	HÀN VĂN HIỆU	VSP01	27	1	8			78	PSV	Vietnamese
16	VU TIẾN NGỌC	VSP01	25	1	6			81	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

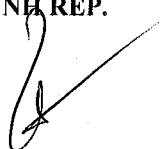
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	2	138	2	19	10	182	5	3	CHUYEN 3 PAX RP2-P1
2	P1	10	684	8	42	0	0	0		
3	VSP01	4	289	4	21	0	0	12		
TOTAL		16	1.111	14	82	10	182	17		
WEIGHT KG			1.111		82		182			

GRAND TOAL: 1.375 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/12/2024	TO: AMD - P6 - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:00
HONG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN THÈ	AMD	73	1	6			66	SAIGONTR	Vietnamese
2	VÕ NGỌC CHÍNH	AMD	90	1	10			87	KH-THAC	Vietnamese
3	TẠ MẠNH HUNG	AMD	75-76	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	AMD	87	1	9			58	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	AMD	84	1	7			53	PSV	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN THANH	AMD	88	1	6			78	PSV	Vietnamese
7	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	81	1	3			62	PSV	Vietnamese
8	HỒ ĐỨC VIỆT	AMD	86	1	5	1	20	77	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH SƠN	AMD	80	1	6			73	PSV	Vietnamese
10	CAO VĂN DUNG	AMD	85	1	10			62	PHATECO	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH TOÀN	AMD	82-83	2	10			54	PHATECO	Vietnamese
12	TRẦN TRỌNG XUÂN	AMD	68	1	10			61	HA VIỆT	Vietnamese
13	TRẦN TUẤN VŨ	AMD	69-70	2	14			69	HA VIỆT	Vietnamese
14	MAI VĂN MINH	AMD	77-78	2	11			61	HA VIỆT	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN PHỤNG	AMD	74	1	10			77	HA VIỆT	Vietnamese
16	NGO VĂN BÌNH	AMD	71-72	2	13			62	HA VIỆT	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH NHA	AMD	79	1	9			75	HA VIỆT	Vietnamese
18	HUYNH TRUNG NGHĨA	P1	13	1	5	4	70	69	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LUÂN	P1	14	1	10			68	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM THANH TÙNG	P1	12	1	17			95	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	17	1.140	22	149	1	20	12		
2	P6	0	0	0	0	1	4	0 + 7		CHUYEN 7 PAX P6-P1
3	P1	3	232	3	32	4	70	0		
TOTAL		20	1.372	25	181	6	94	12		
WEIGHT KG			1.372		181		94			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/12/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: MMINH - ĐTRUNG	ETA: 15:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIẾN THÀNH	T.UNG	56	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG						66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHÍNH	T.UNG	53	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ QUYÊN	T.UNG	60	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	55	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
6	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	54	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	66	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TIẾN VINH	T.UNG	59	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	49	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	58	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	61	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG THÔNG	T.UNG						70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	50	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	57	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN MINH	T.UNG	51-52	2	17	1	15	83	T-TIN	Vietnamese
16	ĐÌNH XUÂN TOÀN	T.UNG	63-65	3	20			62	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ KHẮC BẢO	T.UNG	48	1	8			61	PSV	Vietnamese
18	TRẦN QUYẾT TIẾN	T.UNG	47	1	7			69	PVGAS	Vietnamese
19	MAI ĐỨC CUÔNG	T.UNG	46	1	4			72	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	19	1.302	20	130	1	15	19		
TOTAL		19	1.302	20	130	1	15	19		
WEIGHT KG			1.302		130		15			

GRAND TOAL: 1.447 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

fuel - 2250kg (400)

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD1+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
2		TD5+P5+TD3	7:25	11+0+9	0+0+0		6+4+12	0+0+0	CHUYEN 2 P5-TD3
3		TD5+BK21	9:25	20+0	0+0		21+1	0+0	
4		P8+BK4	9:25	11+11	0+0		10+11	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/12/2024	TO: TD3 - TD1 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - HTNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KHOROTKOV VICTOR	TD3	96	1	6			123	KHOAN	Russian
2	GUSEINOV MAXIM	TD3	86	1	8			84	KHOAN	Russian
3	HOANG MINH TOAN	TD3	91	1	8			59	KHOAN	Vietnamese
4	LUU VAN SON	TD3	99	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN KIEM	TD3	80	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
6	DO THANH HAI	TD3	2000,95	2	9			101	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM TRUONG ANH	TD3	78	1	3			92	KHOAN	Vietnamese
8	VU TOAN THANG	TD3	83	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SON	TD3	93-94	2	16			72	YTE	Vietnamese
10	PHAN HAI NAM	TD3	79	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
11	VU QUANG HIEU	TD3	90	1	5			118	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM TIEN CHUNG	TD3	85	1	3	2	36	92	KHOAN	Vietnamese
13	TRANG NGOC HUNG	TD3	92	1	14			70	KHOAN	Vietnamese
14	DO VAN QUANG	TD3	75	1	8			84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC KHANH	TD3	97-98	2	11			61	KHOAN	Vietnamese
16	VU THE HUNG	TD3	76	1	11			66	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MINH PHUC	TD3	81-82	2	16			68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH TIEN	TD3	77	1	7			93	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN TRONG SON	TD3	87-88	2	11			81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THE HANH	TD3	84	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUY TAI	TD3	89	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	21	1.664	26	180	2	36	13		
2	TD1	0	0	0	0	0	0	5		
3	CTK3	0	0	0	0	1	20	4		
TOTAL		21	1.664	26	180	3	56	22		
WEIGHT KG			1.664		180		56			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/12/2024	TO: TD5 - P5 - TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - XTRƯỜNG - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	32-34	3	9			69	KHOAN	Russian
2	CHUSH MAKSIM	TD5	31	1	9			103	KHOAN	Russian
3	NGUYEN XUAN THE	TD5	400	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN THIEU	TD5	37	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
5	VY HUNG CUONG	TD5	29	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
6	MAI TRUONG TRUNG	TD5	99	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
7	BUI XUAN KHOA	TD5	35	1	9			58	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN MANH	TD5	36	1	7			56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHUNG QUE	TD5	30	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	TD5	38-39	2	12			89	CODIEN	Vietnamese
11	TRINH NGOC TU	TD5	98	1	9			74	CODIEN	Vietnamese
12	DOAN HONG DUONG	TD3	47-48	2	18			73	KH-THAC	Vietnamese
13	KARIMOV TAGIR G.	TD3	55	1	18			90	D-HANH	Russian
14	TA HOAI TRANG	TD3	57	1	13			77	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG LONG	TD3	52-53	2	20			70	DVL	Vietnamese
16	PHAM DUC CANH	TD3	56	1	5			62	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	49	1	11			82	PSV	Vietnamese
18	HO SY THANH	TD3	51	1	3	2	30	58	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN	TD3	54	1	2			70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN HAI	TD3	50	1	4			60	PSV	Vietnamese
21	BUI MANH PHUC	TD3	74	1	8			73	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	11	814	14	79	0	0	6		
2	P5	0	0	0	0	1	5	4 + 2		CHUYEN 2 PAX TU P5-TD3
3	TD3	10	715	12	102	2	30	12		
TOTAL		21	1.529	26	181	3	35	22		
WEIGHT KG			1.529		181		35			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/12/2024	TO: P8 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - HTNAM	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	TD5	55-56	2	17	6	130	50	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG PHONG	TD5	46	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG HUNG	TD5	43-44	2	17			60	DMC-MI	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG LINH	TD5	51	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM ĐĂNG KHÔI	TD5	40	1	7			89	KHOAN	Vietnamese
6	CAO ĐÌNH THANH	TD5	40	1	7			57	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN HỒNG NGỰ	TD5	42	1	7			66	KHOAN	Vietnamese
8	PHÙNG BA CHIEN	TD5	62-63	2	16			69	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN THUẬN VU	TD5	49	1	14			90	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VĂN QUYẾT	TD5	41	1	10			87	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ HỮU HUNG	TD5	45	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ĐÌNH KHANG	TD5	60-61	2	19			50	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD5	57-58	2	20			98	CODIEN	Vietnamese
14	ĐO THANH HAI	TD5	47-48	2	19			66	DVL	Vietnamese
15	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	59	1	7			95	PSV	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	54	1	4			74	PSV	Vietnamese
17	HỒ VĂN ANH	TD5						75	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN LỢI	TD5	53	1	4			56	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TIỀN	TD5	52	1	5			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	0	0	0	0	9	118	0		THẢO 02 CHỖ CHỖ THỰC PHẨM
2	TD5	19	1.351	24	201	6	130	20		
TOTAL		19	1.351	24	201	15	248	20		
WEIGHT KG			1.351		201		248			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/12/2024	TO: P8 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - XTRƯỜNG -	ETA: 11:40
XANH-2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	P8						74	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG ĐĂNG	P8	85-86	2	17			74	XAYLAP	Vietnamese
3	TRÌNH QUANG KHANH	P8	81-82	2	17			73	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG MẠNH HA	P8						65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN THANH NGHIEM	P8				1	9	65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN BA BÀU	P8				1	10	87	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO VĂN HOAN	P8	94	1	14			72	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HẬU HAI	P8	83-84	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN QUANG PHÚC	P8				1	10	74	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LONG	P8						62	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ THANH TIỀN	P8	95-96	2	14			82	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	BK4	0			3	55	93	XAYLAP	Vietnamese
13	LUÔNG XUÂN QUANG	BK4	92	1	19			56	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHANH	BK4	86	1	10	1	12	56	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC LỢI	BK4	95-96	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
16	TRƯỜNG CHÍ THANH	BK4	97	1	17			63	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG PHÚC	BK4	91	1	10	1	14	64	XAYLAP	Vietnamese
18	QUẦN VĂN KHANH	BK4	93-94	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
19	TRỊNH THANH GIANG	BK4	98	1	19			72	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐOÀN CÔNG MẠNH	BK4	90-91	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM PHƯƠNG DUNG	BK4	88	1	19			69	XAYLAP	Vietnamese
22	HÀN CÔNG VIỆN	BK4	90	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	11	785	9	82	3	29	10		
2	BK4	11	757	13	166	5	81	11		
TOTAL		22	1.542	22	248	8	110	21		
WEIGHT KG			1.542		248		110			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	13	0		17	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/12/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: NAM - XTRƯỜNG	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	T.UNG	75	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	T.UNG	67-68	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC QUANG	T.UNG	81	1	16			62	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC VIỆT	T.UNG	82-83	2	18			67	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ VĂN LỢI	T.UNG	84	1	10			59	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	T.UNG	73-74	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ NGỌC HÙNG	T.UNG	85	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ HỒNG DƯƠNG	T.UNG	69-70	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ XUÂN HOÀN	T.UNG	86	1	15	1	10	61	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG XUÂN THĂNG	T.UNG	71-72	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN THANH CHUÔNG	T.UNG	76-77	2	15			84	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HOÀNG	T.UNG	79-80	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HỌC	T.UNG	78	1	15			56	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	13	871	20	211	1	10	17		
TOTAL		13	871	20	211	1	10	17		
WEIGHT KG			871		211		10			

GRAND TOAL: 1.092 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP